

Số: 116 /BC-UBND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 11 năm 2024

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024,  
nhiệm vụ và giải pháp năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

*Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024;*

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024, nhiệm vụ và giải pháp năm 2025, cụ thể như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

**1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Căn cứ chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước (*gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương*) trên địa bàn tỉnh tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, các quy định, chính sách, pháp luật và các văn bản có liên quan về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP):

+ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 tại Hội nghị lần thứ 4 khóa XIII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác

phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chương trình hành động số 54-Ctr/TU ngày 28/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xây dựng chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị.

+ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội; Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024;

+ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2024; Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2024 tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương; thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2024; Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/05/2016 của Bộ Chính trị khóa VII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Mở rộng các hình thức tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh và cơ quan, đơn vị; lồng ghép tuyên truyền THPT, CLP trong các hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan. Các cơ quan thông tin, báo chí của địa phương luôn bám sát, tuyên truyền kịp thời các chủ trương, chính sách, các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước tới nhân dân trong tỉnh.



## **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Thực hiện Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024; Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 của tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 31/01/2024, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 tại đơn vị mình; 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 với những chỉ tiêu, định mức cụ thể, tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm như:

(1) Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 đã được UBND tỉnh đề ra.

(2) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách; thực hiện quyết liệt các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế; kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau.

(3) Đẩy mạnh phân bổ, triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

(4) Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản, đảm bảo nguồn lực đất đai được quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, đem lại hiệu quả cao và bền vững.

(5) Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, triển khai thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Thái Nguyên làm đại diện chủ sở hữu theo Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

(6) Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, trọng tâm là rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, xác định đây là nhiệm vụ, giải pháp căn bản để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết của Quốc hội.

(7) Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cán bộ, công chức, viên chức trong chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp về THPTK, CLP.

(8) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về quản lý, sử dụng tài sản công trên cơ sở các văn bản, quy định của Trung ương.

### **3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Công tác thanh tra, kiểm tra về THPTK, CLP được lồng ghép trong các cuộc thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành. Từ ngày từ 15/12/2023 đến ngày 15/10/2024, toàn ngành Thanh tra thực hiện 401 cuộc thanh tra, kiểm tra, trong đó: Thanh tra hành chính 87 cuộc; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 314 cuộc; tổng số đơn vị được thanh tra, kiểm tra 2.601 cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện 434 cơ quan, tổ chức, cá nhân sai phạm với tổng số sai phạm và kiến nghị xử lý về kinh tế 12.626,2 triệu đồng, trong đó: Thu hồi 4.188,0 triệu đồng, giảm trừ quyết toán 870,1 triệu đồng, xử phạt vi phạm hành chính 7.390,0 triệu đồng, bán tang vật tịch thu 178,1 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 76.261,5m<sup>2</sup> đất<sup>1</sup> của 02 tổ chức, chuyển cơ quan điều tra 02 hồ sơ vụ việc<sup>2</sup>. Đã xử lý về kinh tế 10.364,2 triệu đồng, trong đó: Thu hồi 4.012,0 triệu đồng, xử phạt vi phạm hành chính 6.174,1 triệu đồng, bán tang vật tịch thu 178,1 triệu đồng; đã ban hành Quyết định thu hồi 76.261,5m<sup>2</sup> đất.

Tiếp tục tăng cường vai trò của Ban Thanh tra nhân dân trong giám sát việc sử dụng NSNN, tài sản công, các khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân trong các cơ quan, đơn vị, địa phương, cộng đồng dân cư.

## **II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

### **1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể trong các lĩnh vực**

<sup>1</sup> Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị UBND tỉnh thu hồi: 17.511,5m<sup>2</sup> đất đã giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Thành Long; 58.750 m<sup>2</sup> đất đã giao cho Công ty Cổ phần Ban Tích (theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013).

2 (1) Hồ sơ vụ việc theo Kết luận số 85/KL-TTR ngày 21/3/2024 của Thanh tra huyện Võ Nhai về Kết luận thanh tra các Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện do phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Võ Nhai làm chủ đầu tư. (2) Hồ sơ vụ việc thanh tra đột xuất do thanh tra thành phố Phổ Yên thực hiện, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phổ Yên đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-CSĐT (KTMT) ngày 20/02/2024 Quyết định khởi tố vụ án hình sự Trần Đình Thịnh “Giả mạo trong công tác” xảy ra năm 2010 tại xã Minh Đức, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Minh Đức thành phố Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên).



### **1.1. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các ngành, các cấp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) về chế độ, tiêu chuẩn, định mức trong từng lĩnh vực, cập nhật kịp thời để tham mưu, sửa đổi, bổ sung ban hành mới văn bản cho phù hợp, làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản, tài nguyên của nhà nước tiết kiệm, có hiệu quả.

Tính đến kỳ báo cáo, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành 21 văn bản quy phạm pháp luật quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới và 07 văn bản quy phạm pháp luật quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi bổ sung; trình HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành 10 văn bản quy phạm pháp luật quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới và 02 văn bản quy phạm pháp luật quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi bổ sung trên các lĩnh vực, phù hợp với quy định của Trung ương, thực hiện có hiệu quả vào thực tiễn công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công để tổ chức thực hiện.

### **1.2. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước**

#### **1.2.1. Công tác lập, thẩm định dự toán ngân sách nhà nước**

Việc lập, thẩm định, chấp hành dự toán NSNN năm 2024 thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung, đối tượng và thời gian theo quy định của pháp luật về NSNN; đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành (*Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2024; Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ dự toán ngân sách năm 2024 tỉnh Thái Nguyên*). Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên ngay từ khi giao dự toán chi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để tạo nguồn cải cách tiền lương.

Tổng số tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định là 279.044 triệu đồng (*trong đó: Ngân sách nhà nước khối tỉnh 147.741 triệu đồng, ngân sách nhà nước khối huyện 131.303 triệu đồng*); KP thực hiện cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ là 67.795 triệu đồng (*trong đó: Ngân sách nhà nước khối tỉnh 40.450 triệu đồng, ngân sách nhà nước khối huyện 27.345 triệu đồng*).



### ***1.2.2. Thực hiện tiết kiệm trong sử dụng và thanh quyết toán NSNN***

Công tác quản lý chi NSNN cơ bản đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên ngay từ việc lập, phân bổ dự toán đầu năm và trong quá trình điều hành. Để nâng cao hiệu quả chi NSNN, các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện ngay từ khâu xác định nhiệm vụ chi, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác; các khoản chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản được xây dựng căn cứ vào các quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành. Tiếp tục tiết kiệm triệt để kinh phí hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp, chi tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm, sử dụng xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí. Rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết. Hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài đảm bảo phục vụ yêu cầu công tác. Tổng số kinh phí tiết kiệm là 122.075,686 triệu đồng<sup>3</sup>.

Cơ quan chuyên môn (Sở Tài chính) hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị lập và gửi báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm 2023 theo quy định; thực hiện dự toán năm 2024 sát với yêu cầu, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; hướng dẫn lập dự toán năm 2025 và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn NSNN gắn với THPT, CLP; đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhiệm vụ chi trong năm.

### ***1.2.3. Quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG)***

Thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí các Chương trình MTQG theo đúng mục tiêu, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí, định mức, nội dung hỗ trợ đầu tư và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương của chương trình, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định phân bổ kinh phí chi tiết cho các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện các chương trình MTQG năm 2024.

Vốn đầu tư ngân sách Trung ương: Đã phân bổ 385.040 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch vốn Trung ương giao tại Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh.

Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện các Chương trình MTQG năm 2024 là 326.858 triệu đồng<sup>4</sup>. UBND tỉnh đã

<sup>3</sup> Trong đó: Tiết kiệm chi quản lý hành chính (tiết kiệm văn phòng phẩm, cước phí thông tin liên lạc, hội nghị hội thảo,...) 119.354,286 triệu đồng; Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức 2.541,4 triệu đồng; Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo 180 triệu đồng.

<sup>4</sup> Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 77.498 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 47.501 triệu đồng; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 201.859 triệu đồng.



phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp chương trình MTQG năm 2024<sup>5</sup>, số tiền 201.173 triệu đồng tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 14/3/2024, Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 và hoàn trả NSTW số tiền 65.805 triệu đồng tại Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 18/7/2024.

Vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện chương trình MTQG: Đã phân bổ 14.275 triệu đồng cho các đơn vị, địa phương, bằng 100% kế hoạch tại Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của UBND tỉnh.

Sơ bộ kết quả giải ngân vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình MTQG tính đến ngày 20/10/2024 (bao gồm cả vốn chuyển nguồn từ năm trước sang tiếp tục thực hiện) như sau:

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 20.324/60.033 triệu đồng, đạt 33,7%.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 12.206/109.485 triệu đồng, đạt 11,1%.

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 20.990/271.427 triệu đồng, đạt 7,7%.

### **1.3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức thuộc khu vực nhà nước**

UBND tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện sắp xếp, xử lý xe ô tô công tác, xe chuyên dùng theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và các văn bản khác liên quan. Đến kỳ báo cáo, tổng số xe ô tô giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên quản lý và sử dụng là 298 xe ô tô, phương tiện các loại.

Các cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên. Đến nay, có 06 đơn vị thực hiện áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, cụ thể: Sở Y tế (có 12/26 đơn vị trực thuộc Sở Y tế thực hiện khoán theo km thực tế<sup>6</sup>); Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp

<sup>5</sup> CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 cơ quan thường trực là Ban Dân tộc; CTMTQG về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 cơ quan thường trực là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 cơ quan thường trực là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

<sup>6</sup> (1) Bệnh viện A; (2) Bệnh viện C; (3) Bệnh viện Gang Thép; (4) Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa; (5) Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ; (6) Bệnh viện Mắt; (7) Bệnh viện Sức khỏe Tâm Thần; (8) TTYT huyện Đồng Hỷ; (9) TTYT huyện Võ Nhai; (10) TTYT Thành phố Phổ Yên; (11) Trung tâm Kiểm soát DP, MP, TP và thiết bị y tế; (12) Trung tâm Giám định y khoa.



Thái Nguyên; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<sup>7</sup>.

UBND tỉnh Thái Nguyên tiếp tục chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và theo quy định của pháp luật.

Quản triệt các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục chấp hành nghiêm Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Ban hành các văn bản quy định việc quản lý và sử dụng tài sản công đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong việc mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc<sup>8</sup>. Ngày 26/4/2024, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch số 81/KH-UBND triển khai thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên. Theo đó các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực thực hiện công tác chuẩn bị phục vụ tổng kiểm kê tài sản, phấn đấu đến ngày 28/02/2025 hoàn thành việc tổng kiểm kê trên địa bàn tỉnh, tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính kết quả tổng kiểm kê trước ngày 31/05/2025.

Tiết kiệm trong mua sắm tài sản tập trung của tỉnh:

- Gói thầu: Mua sắm tập trung lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2024: Dự toán 3.190,071 triệu đồng, giá trúng thầu 2.928,972 triệu đồng, tiết kiệm trong đấu thầu 261,098 triệu đồng;

- Gói thầu: Mua sắm tập trung máy photocopy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2024: Dự toán 502 triệu đồng, giá trúng thầu 496, 688 triệu đồng, tiết kiệm trong đấu thầu 5,312 triệu đồng.

#### **1.4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ**

Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

<sup>7</sup> Chỉ cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

<sup>8</sup> Quyết định 301/QĐ-UBND ngày 07/2/2024 v/v phê duyệt số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các CQ, TC, ĐV thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 v/v phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức, sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.



Số kinh phí tiết kiệm được trong đầu tư xây dựng là 47.337,41 triệu đồng.  
Cụ thể:

- + Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán: 8.130,2 triệu đồng.
- + Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh: 25.079,21 triệu đồng.
- + Thực hiện đầu tư, thi công: 6.466 triệu đồng.
- + Thẩm tra phê duyệt quyết toán: 7.662 triệu đồng.

Trụ sở làm việc và nhà công vụ được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn. Việc sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. Kết quả thực hiện phương án xử lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- + Tổng số cơ sở nhà, đất phải thực hiện sắp xếp lại xử lý nhà, đất đến kỳ báo cáo: 1.783 cơ sở.
- + Tổng số cơ sở nhà, đất đã thực hiện sắp xếp lại xử lý nhà, đất đến kỳ báo cáo: 1.523 cơ sở chiếm 84,89%.
- + Tổng số cơ sở nhà, đất còn phải thực hiện sắp xếp lại lũy kế đến kỳ báo cáo: 260 cơ sở chiếm 15%.
- + Tổng số cơ sở nhà, đất thực hiện xử lý nhà, sắp xếp trong kỳ báo cáo: 05 cơ sở<sup>9</sup>.

## **1.5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên**

### **1.5.1. Về quản lý đất đai**

Việc giao đất, cho thuê đất được thực hiện trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, sử dụng ổn định, lâu dài cho các tổ chức, các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giao đất, cho thuê đất đúng đối tượng, đúng mục đích nhằm thực hiện tiết kiệm tài nguyên, hạn chế lãng phí trong sử dụng đất đai.

\* Về công tác Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

UBND tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo UBND các huyện, thành phố lập kế hoạch sử dụng đất làm căn cứ thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất kịp thời phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thành phố trên địa bàn

<sup>9</sup> (1) UBND xã Tân Linh huyện Đại Từ; (2) Sở Giáo dục và Đào tạo và Trường THPT Chuyên Thái Nguyên; (3) Trường Tiểu học Yên Lãng huyện Đại Từ; (4) Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên; (5) Trung tâm pháp y trực thuộc Sở Y tế Thái Nguyên.

tỉnh Thái Nguyên; phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Đã ban hành 09 Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đối với 09 huyện, thành phố thuộc tỉnh<sup>10</sup>.

Trên cơ sở báo cáo của UBND tỉnh Thái Nguyên và đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác đối với Cụm công nghiệp Bá Xuyên, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công với tổng diện tích 48,53 ha (trong đó có sử dụng đất lúa 31,34 ha) và Khu Đô thị Nam Sông Cầu, thành phố Thái Nguyên với tổng diện tích 45,48 ha (trong đó có sử dụng đất lúa 28,14 ha)<sup>11</sup>.

Cơ quan chuyên môn (Sở Tài nguyên và Môi trường) thực hiện kiểm tra, rà soát Kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp tỉnh theo ý kiến thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các dự án đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất từ năm 2021-2024 trên danh mục Kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp tỉnh; đôn đốc UBND các huyện, thành phố công bố, công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

\* Về công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Cơ quan chuyên môn (Sở Tài nguyên và Môi trường) đã tiếp nhận:

+ 78 hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất với diện tích là 250,66 ha, đã có văn bản thẩm định 78 hồ sơ.

+ 24 hồ sơ xin chấp thuận nhận chuyển nhượng, góp vốn, thuê quyền sử dụng đất với diện tích là 120,9 ha (trong đó UBND tỉnh đã có 20 văn bản chấp thuận, 01 hồ sơ trả lại, 03 hồ sơ đang xử lý).

+ 115 hồ sơ xin thuê đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích là 344,44 ha (trong đó UBND tỉnh đã ban hành 87 quyết định, 16 hồ sơ trả lại, 12 hồ sơ đang xử lý).

+ 49 hồ sơ của tổ chức xin cấp đổi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng tài sản, chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất do Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến với tổng diện tích xin cấp giấy chứng nhận 157,67 ha.

<sup>10</sup> Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, chuyển tiếp, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024: Số 1782/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 đối với Thành phố Thái Nguyên; Số 1795/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 đối với Thành phố Sông Công; Số 1798/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 đối với huyện Phú Bình; Số 1799/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 đối với Thành phố Phổ Yên; Số 1800/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 đối với huyện Định Hóa; Số 1805/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 đối với huyện Đồng Hỷ; Số 1812/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 đối với huyện Đại Từ; Số 1813/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 đối với huyện Võ Nhai; Số 1814/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 đối với Phú Lương.

<sup>11</sup> Công văn số 338/TTg-NN ngày 25/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.



+ 64 hồ sơ đề nghị xác định giá đất khi nhà nước giao đất, cho thuê đất (trong đó UBND tỉnh đã phê duyệt giá đất 42 hồ sơ, 22 hồ sơ đang xử lý)<sup>12</sup>.

- UBND tỉnh đã ban hành quyết định thu hồi đất của 13 trụ sở, cơ quan, đơn vị<sup>13</sup>; ban hành quyết định thu hồi đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên trả ra bàn giao về địa phương quản lý với tổng diện tích là tích 2.127,5 ha tại xã Bình Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công; xã Phúc Tân, xã Phúc Thuận thành phố Phổ Yên, nâng tổng diện tích đất UBND tỉnh đã thu hồi của các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh là 14.988 ha. Hiện nay, UBND tỉnh tiếp tục giao Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát thu hồi đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên trả ra tại xã Tân Cương, xã Phúc Trìu thành phố Thái Nguyên với tổng diện tích khoảng 639,99 ha.

\*Về thực hiện Kết luận số 1046 của Tổng Thanh tra Chính phủ:

Trong 07 dự án cụ thể có tên trong kết luận Thanh tra: Đã hoàn thành xác định lại giá cho 02 dự án; còn lại 05 dự án đang rà soát để tách cơ cấu sử dụng đất, đã thuê đơn vị tư vấn để xác định lại giá.

Trong 39 dự án rà soát theo kết luận của Thanh tra: UBND tỉnh đã phê duyệt giá đất của 05 dự án; 01 dự án đã thực hiện rà soát, xác định lại nhưng phương án giá đất xác định lại số thu tiền sử dụng đất nhỏ hơn phương án đã phê duyệt, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát lại phương án giá đất; Cơ quan chuyên môn (Sở Tài nguyên và Môi trường) đang thực hiện xác định lại giá đất đối với 13 dự án, đồng thời đơn đốc các đơn vị hoàn thiện hồ sơ để rà soát, xác định lại giá đất đối với 20 dự án còn lại.

Thực hiện nghiêm việc xử lý, thu hồi diện tích đất đai, mặt nước sử dụng không đúng quy định của pháp luật, sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, sử dụng lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa, lấn chiếm đất trái quy định. Tính đến nay, diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật là 111.598,5 m<sup>2</sup>; diện tích đất sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi là 111.602,5m<sup>2</sup>; số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được là 2.669,756 triệu đồng<sup>14</sup>.

<sup>12</sup> gồm 24 hồ sơ chuyển tiếp từ năm 2022, năm 2023 và 40 hồ sơ nhận năm 2024.

<sup>13</sup> (1) Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 21/9/2024); (2) Chi cục dân số-KHHGD tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 23/9/2024); (3) Tỉnh đoàn Thái Nguyên (Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 26/9/2024); (4) Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 25/9/2024); (5) Hội nông dân tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 25/9/2024); (6) Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 23/9/2024); (7) Trung tâm văn hoá và truyền thông thành phố Thái Nguyên (Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 04/10/2024); (8) Cục thuế tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 04/10/2024); (9) Liên Đoàn lao động tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 25/9/2024); (10) Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 04/10/2024); (11) Trung tâm Dạy nghề 20-10 Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 04/10/2024); (12) Báo Thái Nguyên (Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 11/10/2024); (13) Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên (Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 23/10/2024).

<sup>14</sup> Báo cáo số 451/BC-UBND ngày 14/10/2024 của UBND huyện Đồng Hỷ; Báo cáo số 764/BC-UBND ngày 14/10/2024 của UBND huyện Đại Từ; Báo cáo số 618/BC-UBND ngày 14/10/2024 của UBND huyện Phú



### 1.5.2. Về quản lý tài nguyên khoáng sản

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, truy quét, giải tỏa các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép qua đó góp phần đưa hoạt động khai thác khoáng sản đi vào nề nếp, ngăn chặn được hoạt động khai thác khoáng sản trái phép bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2024 và thông báo cho các đơn vị được cấp phép khai thác khoáng sản thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2024.

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 10 khu vực khai thác khoáng sản trong dự án đầu tư xây dựng công trình<sup>15</sup>, 01 mỏ khoáng sản<sup>16</sup> và 01 dự án nạo vét lòng Hồ Núi Cốc và tận thu các sản phẩm đi kèm<sup>17</sup>;

Cấp 04 giấy phép khai thác khoáng sản trong đó 01 giấy phép khai thác mỏ<sup>18</sup> và 03 giấy phép khai thác đất san lấp trong dự án đầu tư xây dựng công trình<sup>19</sup>.

Xác nhận 02 khu vực đăng ký khai thác khoáng sản trong diện tích dự án đầu tư xây dựng công trình<sup>20</sup>; ban hành 15 quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp<sup>21</sup>; ban hành quyết định thu hồi 01 Giấy phép

---

Lương; Báo cáo số 3851/BC-UBND ngày 17/10/2024 của UBND huyện Võ Nhai; Báo cáo số 429/BC-UBND ngày 14/10/2024 của UBND Tp Sông Công; Báo cáo số 255/BC-STNMT ngày 09/10/2024 của Sở Tài nguyên & Môi trường, cụ thể: Đại Từ xử lý vi phạm chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị của các hộ dân 2.980m<sup>2</sup>; Đồng Hỷ xử lý vi phạm đổ đất lên đất lúa tại xã Cây Thì 880 m<sup>2</sup>; Phú Lương xử lý diện tích đất sử dụng sai mục đích của các hộ dân 1801 m<sup>2</sup>; Võ Nhai xử lý diện tích đất sử dụng sai mục đích của các hộ dân 4.604 m<sup>2</sup>; Sông Công xử lý diện tích đất sử dụng sai mục đích của các hộ dân 388,2 m<sup>2</sup>; Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý hành vi vi phạm sử dụng đất chưa được cơ nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, không đưa đất vào sử dụng theo dự án đầu tư được phê duyệt, chiếm đất nông nghiệp là đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn 100.945,3m<sup>2</sup>.

<sup>15</sup> (1) Dự án xây dựng trụ sở làm việc Sở NN&PTNT và các chi cục trực thuộc theo Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 26/3/2024, (2) Dự án xây dựng đường nội thị khu hành chính mới huyện Đồng Hỷ theo Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 08/4/2024, (3) Dự án xây dựng đường nội thị khu hành chính mới huyện Đồng Hỷ (giai đoạn 1) theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 28/6/2024, (4) Dự án xây dựng Khu thể thao sân golf Tân Thái Đại Từ theo Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 28/6/2024, (5) Dự án xây dựng Khu thể thao sân golf Tân Thái Đại Từ theo Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 28/6/2024, (6) Dự án tuyến đường kết nối quốc lộ 37 và đường tỉnh lộ ĐT.269B tỉnh Thái Nguyên từ Km4+484,68 đến Km6+113,38 theo Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 16/10/2024, (7) Dự án tuyến đường kết nối quốc lộ 37 và đường tỉnh lộ ĐT.269B tỉnh Thái Nguyên từ Km3+300 đến Km4+484,68 theo Quyết định số 2494/QĐ-UBND ngày 16/10/2024, (8) Dự án nhà máy nước Yên Bình theo Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 17/10/2024, (9) Dự án khu đô thị Yên Bình theo Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 17/10/2024, (10) Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - ngã ba Trung Sơn theo Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 17/10/2024.

<sup>16</sup> Mỏ cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực suối Nho – sông Rog, xã Liên Minh và xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 22/4/2024.

<sup>17</sup> Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 24/5/2024.

<sup>18</sup> Giấy phép số 730/GP-UBND ngày 05/4/2024.

<sup>19</sup> (1) Giấy phép số 669/GP-UBND ngày 01/4/2024; (2) Giấy phép 775/GP-UBND ngày 09/4/2024; (3) Giấy phép 1710/GP-UBND ngày 25/7/2024.

<sup>20</sup> (1) Xác nhận số 4492/XN-UBND ngày 13/8/2024; (2) Xác nhận số 4493/XN-UBND ngày 13/8/2024.

<sup>21</sup> (1) Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 29/10/2024; (2) Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 29/10/2024; (3) Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 06/11/2024; (4) Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 01/8/2024; (5) Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 04/10/2024; (6) Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 06/11/2024; (7) Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 01/8/2024; (8) Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 24/9/2024; (9) Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 12/6/2024; (10) Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 29/10/2024; (11) Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 1/8/2024; (12) Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 16/10/2024; (13) Quyết định



khai thác khoáng sản đối với mỏ than suối Huyền đã cấp cho Công ty CP khai khoáng Miền Núi theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 07/6/2024<sup>22</sup>.

### **1.5.3. Về quản lý tài nguyên nước**

Cơ quan chuyên môn (Sở Tài nguyên và Môi trường) đã tiếp nhận, thẩm định 33 hồ sơ cấp phép tài nguyên nước, trong đó: UBND tỉnh đã cấp 21 giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp 05 giấy phép.

Triển khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. UBND tỉnh đã phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền phê duyệt là 11.793,408 triệu đồng, góp phần quản lý tốt việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, các đơn vị, các nhân có ý thức tiết kiệm nước trong hoạt động khai thác phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Công tác tuyên truyền bảo vệ tài nguyên nước: thực hiện các chương trình tuyên truyền ngày Nước thế giới; ngày Khí tượng thủy văn thế giới,...; thực hiện hưởng ứng và triển khai tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường năm 2024; hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam; hưởng ứng ngày Đại dương thế giới năm 2024, ngày Đất ngập nước thế giới năm 2024, chiến dịch Giờ Trái đất năm 2024.

### **1.5.4. Về quản lý tài nguyên rừng**

Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng. Thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên theo Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/1/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, chỉ đạo dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên trên phạm vi cả nước.

Độ che phủ rừng tiếp tục được duy trì 46%, không thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên hiện có sang mục đích khác. Tiếp tục tuyên truyền Luật Lâm nghiệp và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật, tạo sự thống nhất về nhận thức trong các tầng lớp nhân dân, cán bộ, nâng cao ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh:

Tính đến 20/10/2024, đã trồng được 4.250,6ha/3.400ha theo kế hoạch, bằng 125% kế hoạch, trong đó trồng rừng phòng hộ 126,4ha và trồng rừng sản xuất

số 2487/QĐ-UBND ngày 16/10/2024; (14) Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 24/9/2024; (15) Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 09/10/2024;

<sup>22</sup> Lý do thu hồi: Sau 12 tháng kể từ ngày dự kiến ban đầu khai thác công ty chưa tiến hành khai thác mà không thuộc trường hợp bất khả kháng; nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; không đảm bảo tiến độ hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản

4.124,2ha. Dự ước cả năm 2024, trồng được 4.344ha, bằng 127,8% kế hoạch. Tổng số cây xanh đã trồng trong dịp phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” Xuân Giáp Thìn 2024 trên địa bàn tỉnh là 205.128 cây, tăng 17,9% so với năm 2023. Thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trong năm 2024, số cây xanh trồng phân tán trên địa bàn tỉnh là 1,32 triệu cây, bằng 111% kế hoạch, số lượng cây xanh được cập nhật trên phần mềm quản lý cây xanh ThaiNguyen Smartree từ năm 2021 đến nay là 10,08 triệu cây, bằng 143,9% kế hoạch giai đoạn 2021-2025. Thực hiện tốt công tác giám sát khai thác lâm sản trên địa bàn tỉnh. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng năm 2024 đến nay ước đạt 292,9 nghìn m<sup>3</sup>, bằng 102,8% kế hoạch, tăng 7,7% so với cùng kỳ sản lượng khai thác củi ước đạt 60,6 nghìn ster.

Công tác phòng cháy chữa cháy rừng: chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; kiểm tra, bảo dưỡng các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng. Chuẩn bị hiện trường phục vụ diễn tập chữa cháy rừng cấp quốc gia; thường xuyên cập nhật thông tin cảnh báo nguy cơ cháy rừng, các điểm cháy trên phần mềm của Cục Kiểm lâm, kết quả từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy rừng.

Công tác xử lý vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp: tính đến nay đã phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp là 74 vụ, giảm 03 vụ so với cùng kỳ năm 2023, có 02 vụ vi phạm hành chính có dấu hiệu hình sự (đã chuyển hồ sơ đến cơ quan cảnh sát điều tra). Tịch thu là 68,784 m<sup>3</sup> gỗ quy tròn (*Trong đó: gỗ quý hiếm 8,99 m<sup>3</sup>; gỗ thông thường 59,794 m<sup>3</sup>*). Thu nộp ngân sách nhà nước 362,7 triệu đồng. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị, đơn đốc Kiểm lâm bám sát địa bàn được phân công để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, dự ước số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp năm 2024 giảm so với năm 2023<sup>23</sup>.

#### **1.6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước**

\*Tổ chức bộ máy:

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; Nghị định số

<sup>23</sup> Báo cáo số 4637/BC-SNNPTNT ngày 14/10/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy<sup>24</sup>; các Kế hoạch của UBND tỉnh Thái Nguyên<sup>25</sup>, tiến hành sắp xếp các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước. Năm 2024, đã thực hiện sáp nhập 18 đơn vị, giảm 9 đơn vị<sup>26</sup>.

**\*Quản lý biên chế:**

+ *Về quản lý sử dụng biên chế:* Thực hiện giao biên chế công chức và số lượng người làm việc đảm bảo theo đúng số lượng đã được Bộ Nội vụ thẩm định. Số biên chế công chức được giao năm 2024 là 1.887 biên chế, giảm 24 người so với năm 2023. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được giao năm 2024 là 25.435 người, giảm 323 người so với số giao năm 2023.

+ *Về tinh giản biên chế:* Thực hiện Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về tinh giản biên chế, tính từ ngày 01/01/2024 đến nay, thực hiện tinh giản biên chế đối với 47 trường hợp (07 công chức, 37 viên chức, 03 cán bộ công chức cấp xã), trong đó có 46 người nghỉ hưu sớm, 01 người dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên, tính từ ngày 01/01/2024 đến nay đã tinh giản được 271 trường hợp (05 công chức, 122 viên chức nghỉ thôi việc ngay theo nguyện vọng; 05 công chức, 116 viên chức nghỉ công tác

<sup>24</sup> Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Kết luận số 08-KL/TU ngày 21/12/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 09/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

<sup>25</sup> Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 30/3/2018 về thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 30/3/2018 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

<sup>26</sup> Cụ thể: Trường tiểu học Phú Thượng I và Trường tiểu học Phú Thượng II huyện Võ Nhai; sáp nhập Trường mầm non Bê tông xây dựng vào Trường mầm non Hoa Hồng thuộc UBND thành phố Thái Nguyên; sáp nhập Trường tiểu học Tích Lương I vào Trường tiểu học Tích Lương II thuộc UBND thành phố Thái Nguyên; sáp nhập Ban Quản lý thực hiện dự án xây dựng cấp bách hệ thống chống lũ lụt Sông Cầu kết hợp hoàn thiện hạ tầng đô thị hai bên bờ Sông Cầu tỉnh Thái Nguyên vào Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thái Nguyên; sáp nhập Trường Tiểu học và Trường THCS Hòa Bình thuộc UBND huyện Đồng Hỷ; sáp nhập Trường tiểu học Phúc Chu và Trường THCS Phúc Chu, sáp nhập Trường tiểu học Định Biên và Trường THCS Định Biên thuộc huyện Định Hoá; sáp nhập Trường tiểu học Việt Ân và Trường THCS Việt Ân thuộc UBND huyện Đại Từ; sáp nhập Trường tiểu học Sơn Cẩm II và Trường THCS Sơn Cẩm II thuộc UBND thành phố Thái Nguyên.



theo nguyện vọng để giải quyết chế độ nghỉ hưu; 07 công chức nghỉ chờ để giải quyết chế độ nghỉ hưu; riêng đối với cấp xã: 04 cán bộ công chức cấp xã nghỉ chờ để giải quyết chế độ nghỉ hưu, 12 cán bộ, công chức cấp xã thôi việc ngay).

**\*Về quản lý, sử dụng lao động:**

Trên cơ sở chỉ tiêu biên chế được giao, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội đặc thù thực hiện quản lý, sử dụng công chức, viên chức, người làm việc, tinh giản biên chế theo quy định tương ứng với tỷ lệ giảm 2,5%/năm.

Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Nội vụ tại Công văn số 2412/SNV-CCVC ngày 11/10/2023, hướng dẫn liên ngành của Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các cơ quan đơn vị địa phương tiếp tục thực hiện việc chuyển hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP sang ký hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

### **1.7. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của nhà nước tại doanh nghiệp**

Các doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, vật tư, chi phí đầu vào; ứng dụng công nghệ vào sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh về thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Thái Nguyên làm đại diện chủ sở hữu giai đoạn 2022-2025 cụ thể như sau:

**\*Công tác cổ phần hóa:**

Công tác cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên, thực hiện trong năm 2024-2025.

Cho đến nay việc triển khai thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên chưa thực hiện được theo Kế hoạch, với lý do như sau: hiện nay Công ty TNHH một thành viên thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên đang làm chủ đầu tư 02 dự án sử dụng vốn ODA<sup>27</sup>. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4

<sup>27</sup> (1) Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên (vốn ODA Cộng hoà Pháp) đang thực hiện quyết toán; (2) Dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố Thái



Nghị định 114/2021 ngày 16/12/2021 của Chính phủ quy định: “Doanh nghiệp nhà nước sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Công ty con của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nắm giữ 100% vốn điều lệ”. Như vậy, sau khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên sẽ không còn phù hợp với quy định về sử dụng vốn vay ODA. Trên cơ sở báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan thường trực Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh), UBND tỉnh đã báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2624/UBND-KT ngày 27/5/2024 xin lùi thời gian thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Phát triển Hạ tầng đô thị Thái Nguyên theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

\*Công tác thoái vốn nhà nước tại 03 doanh nghiệp (Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Thái Nguyên; Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Sông Công; Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Thái Nguyên):

Theo Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh, Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Thái Nguyên, Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Sông Công thực hiện thoái vốn xong trong năm 2023, Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Thái Nguyên thực hiện thoái vốn xong trong giai đoạn 2024-2025. Tuy nhiên, do một số khó khăn<sup>28</sup> trong quá trình thực hiện dẫn đến chưa hoàn thành việc thoái vốn nhà nước tại 02 Công ty trong năm 2023, UBND tỉnh Thái Nguyên đã có báo cáo số 07/UBND-KT ngày 18/01/2024 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin lùi thời gian thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại 02 Công ty sang năm 2024.

Trong quá trình triển khai thực hiện, còn một số khó khăn vướng mắc nhất định: Ngày 01/8/2024 Luật đất đai số 31/2024/QH1 có hiệu lực thi hành, sau đó Chính phủ đã ban hành các Nghị định<sup>29</sup> hướng dẫn thi hành luật Đất đai, tuy nhiên chưa có quy định, hướng dẫn về việc sử dụng đất đối với trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần của Nhà nước tại doanh nghiệp, nên đơn vị tư vấn chưa có cơ sở để xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê; Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sông Công còn vướng mắc về thủ tục đất đai (giao đất, cho thuê đất), Ban chỉ đạo thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại công ty đã có nhiều cuộc họp, văn bản đôn đốc công ty và các

Nguyên (vốn ODA Vương quốc Bỉ), dự án đã hết thời gian thực hiện vào ngày 31/12/2023 và hiện nay dự án đang tiến hành tái cơ cấu để tiếp tục thực hiện.

<sup>28</sup> Khó khăn trong lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm định giá trị doanh nghiệp làm cơ sở cho việc thoái vốn, công ty thất lạc giấy tờ, hồ sơ xin thuê đất (Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sông Công),....

<sup>29</sup>Nghị định: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024, số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024, số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024



thành viên trong Ban chỉ đạo thoái vốn nhà nước tại công ty, yêu cầu căn cứ chức năng nhiệm vụ khẩn trương tham mưu đẩy nhanh tiến độ thực hiện thoái vốn nhà nước tại công ty, để đảm bảo thực hiện hiện kế hoạch đề ra.

Do đó, việc thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại 03 công ty chậm so với Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh và khó có khả năng hoàn thành trong năm 2024. UBND tỉnh đã có văn bản số 6080/UBND-KT ngày 23/10/2024 đề nghị Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin lùi thời gian thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp đối với 03 công ty sang giai đoạn tiếp theo theo quy định. Đồng thời giao Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Tài Nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc<sup>30</sup>.

Thời gian tới, cơ quan thường trực Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh tiếp tục phối hợp với các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh.

### **1.8. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thành lập các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách**

Tổng số quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên hiện có 17 quỹ<sup>31</sup>. Hầu hết các quỹ được thành lập và đi vào hoạt động trên cơ sở các văn bản pháp lý cơ bản đầy đủ, đồng bộ; có điều lệ hoạt động; nguồn thu, chi theo quy định và được huy động nguồn thu để sử dụng cho một số nhiệm vụ chi; quỹ có tư cách pháp nhân, mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại.

Thực hiện Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về giao Kế hoạch đầu tư công năm 2024, các quỹ tài chính được bổ sung vốn điều lệ như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển: 100.000 triệu đồng.
- + Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh: 7.858 triệu đồng.
- + Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh: 5.250 triệu đồng.
- + Quỹ phát triển HTX: 30.000 triệu đồng.

<sup>30</sup> Sở Tài chính Thái Nguyên đã có văn bản số 3615/STC-QLGDN ngày 24/09/2024 gửi Bộ Tài chính về việc đề nghị hướng dẫn một số nội dung liên quan đến quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành; Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 4344/STNMT-QLĐĐ ngày 09/10/2024 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn xác định giá trị quyền sử dụng đất vào vốn của Nhà nước trong phương án chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

<sup>31</sup> Bao gồm: (1) Quỹ Phát triển đất; (2) Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (3) Quỹ Đầu tư và Phát triển; (4) Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Thái Nguyên; (5) Quỹ Hỗ trợ nông dân; (6) Quỹ Bảo vệ Môi trường; (7) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; (8) Quỹ phòng chống thiên tai; (9) Quỹ Vì người nghèo; (10) Quỹ Vì biển đảo quê hương; (11) Quỹ Nạn nhân chất độc da cam; (12) Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo; (13) Quỹ Phát triển Khoa học công nghệ; (14) Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi Việt Nam; (15) Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; (16) Quỹ Bảo trợ trẻ em; (17) Quỹ Nhân đạo.



### **1.9. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân**

UBND tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó tập trung một số nội dung:

Chỉ đạo các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, đặc biệt là các đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm, đơn vị sử dụng điện lớn, các doanh nghiệp thương mại liên tục đổi mới máy móc thiết bị, áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới và sử dụng thiết bị tiên tiến, vận hành khoa học, tìm kiếm và thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm năng lượng (*tiết kiệm điện và các dạng năng lượng khác*); hình thành thói quen sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong mọi hoạt động của xã hội; giảm cường độ tiêu thụ năng lượng trong các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế để tiết kiệm năng lượng trở thành hoạt động thường xuyên hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, các cơ quan báo chí, truyền thông để tăng cường công tác tuyên truyền về Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, giới thiệu quảng bá sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, những thương hiệu hàng Việt Nam có uy tín trên thị trường, tạo niềm tin đối với người tiêu dùng khi mua sắm, sử dụng hàng hóa Việt Nam. Cập nhật thông tin, hình ảnh, các hoạt động liên quan đến Chương trình thông qua: Bản tin Kinh tế Công Thương; Website Công Thương Thái Nguyên; tuyên truyền thông qua mạng xã hội Fanpage của Trung tâm Xúc tiến Thương mại.

Thường xuyên tuyên truyền Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên trang thông tin điện tử; duy trì sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên; Phần mềm hỏi đáp; Phần mềm bản đồ số cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Phần mềm cơ sở dữ liệu doanh nghiệp; Website chèn và truy xuất nguồn gốc hỗ trợ doanh nghiệp mã QR code.

### **2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí**

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.
- Số vụ việc đã được xử lý: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.
- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không.

### **3. Phân tích, đánh giá**

#### **3.1. Đánh giá kết quả đạt được**

Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được cấp ủy và chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, tạo sự chuyển biến



mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, kinh tế phát triển, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng cao, an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo.

### **3.1.1. Kết quả thu chi ngân sách tỉnh**

*\*Thu ngân sách năm 2024:*

Thu ngân sách nhà nước ước thực hiện năm 2024 là: 19.680 tỷ đồng, đạt 122% so với dự toán Trung ương giao; đạt 100,8% so với dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó thu nội địa ước đạt 17.010 tỷ đồng, đạt 124,8% so với dự toán Trung ương giao; đạt 100% so với dự toán HĐND giao; thu xuất nhập khẩu ước đạt 2.550 tỷ đồng, đạt 102% so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao; thu các khoản huy động, đóng góp ước đạt 120 tỷ đồng.

*\*Chi ngân sách năm 2024:*

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2024 là: 17.865 tỷ đồng, đạt 108% so với dự toán Trung ương giao, đạt 87,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó ước thực hiện chi đầu tư là 6.012 tỷ đồng, đạt 152% dự toán Trung ương giao, đạt 86,7% dự toán HĐND tỉnh giao; ước thực hiện Chi thường xuyên là 9.849 tỷ đồng, đạt 106,8% dự toán Trung ương giao, đạt 101,5% dự toán HĐND tỉnh giao; ước chi Chương trình MTQG, chi chương trình, dự án, nhiệm vụ khác là 1.929 tỷ đồng, đạt 64,2% dự toán Trung ương giao, đạt 94% dự toán HĐND tỉnh giao.

Chi ngân sách đã đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán được giao và các nhiệm vụ cấp bách phát sinh như phòng chống, khắc phục thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo an sinh xã hội, đảm bảo các nhiệm vụ quốc phòng an ninh.

### **3.1.2. Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công**

Năm 2024, tổng số kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là 5.612.041 triệu đồng<sup>32</sup>; tổng số kế hoạch vốn đầu tư công do HĐND, UBND tỉnh giao trên địa bàn toàn tỉnh: 9.299.688 triệu đồng<sup>33</sup>.

---

<sup>32</sup> Số kế hoạch vốn do Thủ tướng giao: 5.612.041 triệu đồng theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

<sup>33</sup> Số kế hoạch vốn do HĐND, UBND tỉnh giao: 9.299.688 triệu đồng, trong đó: Kế hoạch vốn năm 2024: 8.744.935 triệu đồng, trong đó: Giao đầu năm: 8.594.975 triệu đồng theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 và Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên, Giao bổ sung 142.860 triệu đồng theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 13/6/2024, Giao bổ sung 7.100 triệu đồng theo Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 18/7/2024. Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang: 554.753 triệu đồng theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023, Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023, Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội và Nghị quyết số



Ước lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng 10/2024 là: 4.090.500 triệu đồng, trong đó: thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định là 304.500 triệu đồng; thanh toán vốn kế hoạch vốn năm 2024 là 3.786.000 triệu đồng/5.612.041 triệu đồng đạt 67,46% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

### **3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

\*Tồn tại, hạn chế:

Còn tồn tại vi phạm phải xử lý trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở một số đơn vị, địa phương.

\*Nguyên nhân:

Một số đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân chưa có trách nhiệm cao trong việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

\* Kinh nghiệm rút ra:

- Tiếp tục nâng cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiếp tục đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và xây dựng văn hoá tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn.

- Nâng cao hiệu quả, tính thiết thực trong công tác xây dựng, thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng cụ thể hoá, ban hành các chỉ tiêu tiết kiệm trong từng ngành, từng lĩnh vực, sát thực, làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm được chính xác, khách quan.

- Quản lý chặt chẽ việc thu, chi ngân sách nhà nước, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; ưu tiên bố trí nguồn chi ngân sách cho công tác phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, cấp thiết và các nhiệm vụ quan trọng của tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ, kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, phát hiện xử lý nghiêm các hành vi gây thất thoát, lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản công; rà soát kiên quyết thu hồi đất của các dự án chậm đưa đất vào sử dụng, đất để hoang hoá, đất sử dụng không đúng mục đích.



### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2025**

1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; biểu dương các điển hình về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Luật đầu tư công; Luật đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công... Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt và phổ biến sâu rộng chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật, quy định của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhằm nâng cao nhận thức, tinh thần tự giác, ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện nghiêm việc công bố, công khai, minh bạch đầy đủ thủ tục hành chính theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ số trong giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

4. Thực hiện tốt công tác công khai minh bạch việc sử dụng NSNN, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh thất thoát, lãng phí; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách, bảo đảm chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán đã được Hội đồng nhân dân thông qua; nâng cao hiệu quả giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kịp thời phân bổ, tổ chức triển khai thực hiện vốn đầu tư công.

5. Tiếp tục thực hiện rà soát, tổng kết, đánh giá sự chồng chéo, chưa đồng bộ, kịp thời của hệ thống pháp luật liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật; sửa đổi, bổ sung, hoặc ban hành mới hệ thống tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong các lĩnh vực, đặc biệt tập trung vào lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý trụ sở, tài sản công,... đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.



6. Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các lĩnh vực, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực: quản lý ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là đối với đất đai; quản lý vốn, tài sản nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; tổ chức bộ máy, quản lý lao động, thời gian lao động.

7. Đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Thái Nguyên làm đại diện chủ sở hữu giai đoạn 2022-2025; phối hợp với Bộ, Ngành có liên quan tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo Kế hoạch số 145/KH-UBND.

8. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực theo quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và pháp luật chuyên ngành; đôn đốc việc chấp hành nghiêm các kết luận, quyết định kiểm toán, thanh tra, kiểm tra.

Trên đây là nội dung Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024, nhiệm vụ và giải pháp năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Đặng Xuân Trường**





**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**  
**Kỳ báo cáo: Ước thực hiện năm 2024**

(Kèm theo Báo cáo số 166 /BC-UBND ngày 12/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2023	Kết quả kỳ báo cáo (Ước thực hiện năm 2024)	So sánh với kỳ trước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4(%)	7
<b>I</b>	<b>Việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>					
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	44	31	70,5%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	10	9	90,0%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	55	46	83,6%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	7	-	0,0%	
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	11	-		
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>					
1	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>		310.150	346.839	111,8%	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	-	-		
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	295.742	279.044	94,4%	- Năm 2024: NSNN khối tỉnh: 147.741 triệu đồng; NSNN khối huyện: 131.303 triệu đồng;
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	14.408	-	0,0%	
1.4	Các nội dung khác: KP thực hiện cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ	triệu đồng		67.795		- Năm 2024: NSNN khối tỉnh: 40.450 triệu đồng; NSNN khối huyện: 27.345 triệu đồng;
2	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>		44.752	122.075,69	272,8%	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		27.838	119.354,3	428,7%	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	4.066	4.551,3	111,9%	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	2.182	1.724,3	79,0%	
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	2.148	1.866,9	86,9%	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	1.096	1.078,7	98,4%	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	2.025	1.603,8	79,2%	
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	1.717	2.094,7	122,0%	



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2023	Kết quả kỳ báo cáo (Ước thực hiện năm 2024)	So sánh với kỳ trước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4(%)	7
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	5.795	4.311,5	74,4%	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	4.290	5.494,5	128,1%	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc; (Tiết kiệm trong mua sắm dịch vụ, hàng hoá)	triệu đồng	3.931	96.166,6	2446,5%	
	Hoạt động ngành nội vụ, cải cách hành chính	triệu đồng		462,0		
	Tiết kiệm chi khen thưởng, thuê mướn	triệu đồng	588	195,0	33,2%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		868	-	0,0%	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	-	-		
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		868	-	0,0%	
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng		-		
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	843	-	0,0%	
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	-	-		
	Các nội dung khác	triệu đồng	25	-	0,0%	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	9.602	2.541,4	26,5%	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	-	-		
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	-	-		
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	6.443	180,0	2,8%	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	1	-	0,0%	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ		-	-		
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị				
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	-	-		
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	-	-		
4	Các nội dung khác		-	-		
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước		-	-		
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)					
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	248	295	119,0%	-



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2023	Kết quả kỳ báo cáo (Ước thực hiện năm 2024)	So sánh với kỳ trước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4(%)	7
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	53	9	17,0%	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	6	6	100,0%	
1.4	Số lượng phương tiện hiện có cuối kỳ		295	298	101,0%	
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	-	-		
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	-	-		
2	<b>Tài sản khác</b>					
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	509	384	75,4%	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	-	-		
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	-	-		
3	<b>Các nội dung khác</b>		-	-		
IV	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>					
1	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>					
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án	-	-		
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	63.603,3	47.337,41	74,4%	
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	16.151,7	8.130,20	50,3%	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	35.334,9	25.079,21	71,0%	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	6.033,7	6.466,00	107,2%	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	6.083,0	7.662,00	126,0%	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	-	-		
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	-	-		
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ		-	-		
	Số lượng	dự án	-	-		
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng	-	-		
2	<b>Trụ sở làm việc</b>					
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	15.258.460	9.419.323	61,7%	-



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2023	Kết quả kỳ báo cáo (Ước thực hiện năm 2024)	So sánh với kỳ trước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4(%)	7
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	80.126	24.982	31,2%	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	5.919.263	772	0,0%	
2.4	Tổng diện tích trụ sở hiện có cuối kỳ	m2	9.419.323	9.443.534	100,3%	-
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	-	-		
2.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	-	-		
2.7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	-	-		
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>					
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	32.098	15.527	48,4%	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	2.680	-	0,0%	
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	19.251	1.917	10,0%	
3.4	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có cuối kỳ	m2	15.527	13.610	87,7%	
3.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	-	-		
3.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	-	-		
3.7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	-	-		
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>		-	-		
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>					
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>					
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2	108.644,4	111.598,5	102,7%	Năm 2024: Đại Từ 2.980 m2; Đồng Hỷ 880 m2; Phú Lương 1801 m2; Võ Nhai 4.604 m2; Sông Công 388,2 m2; Sở TNMT 100.945,3 m2.
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2	108.644,4	111.598,5	102,7%	
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	4.193,1	2.669,756	63,7%	
1.4	Các nội dung khác	m2	-	-		-
<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>					
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	145	98	67,6%	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	2.464	4.458	180,9%	
<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>					

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2023	Kết quả kỳ báo cáo (Ước thực hiện năm 2024)	So sánh với kỳ trước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4(%)	7
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	-	-		
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	-	-		
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		-	-		
4	Các nội dung khác					
4.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong lĩnh vực môi trường	vụ	7	1	14,3%	
4.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	125	137	109,4%	
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước					
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	-	-		
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-		
3	Các nội dung khác		-	-		
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp					
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh					
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	-	-		
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	33	11	34,5%	
	Tiết kiệm điện	Kw/h	6.174	2.100	34,0%	
	Tiết kiệm xăng, dầu	Lit	725	200	27,6%	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	-	-		
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	-	-		
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	-	-		
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	-	-		
2	Quản lý đầu tư xây dựng					
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	-	-		
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	-	-		
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		-	-		
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	-	-		



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2023	Kết quả kỳ báo cáo (Ước thực hiện năm 2024)	So sánh với kỳ trước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5-4(%)	7
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	-	-		
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	-	-		
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	-	-		
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn			-		
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án	-	-		
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng	-	-		
2.5	Các nội dung khác		-	-		
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN					
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	-	-		
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	-	-		
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	-	-		
4	Mua sắm phương tiện					
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con					
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	-	-		
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	-	-		
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	-	-		
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	-	-		
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	-	-		
	Số lượng xe cuối kỳ	chiếc	-	-		
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	-	-		
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	-	-		
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	-	-		
5	Nợ phải thu khó đòi					
	Số đầu kỳ	triệu đồng	5.000	7.139	142,8%	Năm 2024: Quỹ PT đất 5.000 triệu đồng; Công ty thoát nước và phát triển đô thị hạ tầng 2.139 triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2023	Kết quả kỳ báo cáo (Ước thực hiện năm 2024)	So sánh với kỳ trước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6-5/4(%)	7
	Số cuối kỳ	triệu đồng	5.000	6.542	130,8%	Năm 2024: Quỹ PT đất 5.000 triệu đồng; Công ty thoát nước và phát triển đô thị hạ tầng 1.542 triệu đồng
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>					
	Số đầu năm	triệu đồng	1.154.288	1.146.340	99,3%	
	Số cuối kỳ	triệu đồng	1.168.531	1.146.529	98,1%	
<b>VIII</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP</b>		-			
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	407	401	98,5%	Thực hiện lồng ghép kiểm tra THTK, CLP trong các cuộc thanh tra, kiểm tra
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	407	323	79,4%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	4.255	2.601	61,1%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	543	434	79,9%	
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	20.900	12.626	60,4%	
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	18.896,7	10.364	54,8%	

**Ghi chú:**

Số liệu được tổng hợp từ các đơn vị:

UBND huyện Đại Từ, UBND huyện Đồng Hỷ, UBND huyện Định Hóa, UBND huyện Phú Lương, UBND huyện Phú Bình, UBND huyện Võ Nhai, UBND Thành phố Thái Nguyên, UBND Thành phố Phổ Yên, UBND Thành phố Sông Công, Sở Công thương, Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động TB&XH, Sở Khoa học & Công nghệ, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông và Vận tải, Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Văn hoá thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, BCH Đoàn tỉnh Thái Nguyên, Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Ban Dân tộc, Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên, Liên minh Hợp tác xã, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân, Hội đồng y, Hội chữ thập đỏ, Hội Văn học Nghệ thuật, Hội Nhà báo, Hội cựu chiến binh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thái Nguyên, BQL Dự án đầu tư XD các công trình giao thông, BQL Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, BQL Dự án đầu tư XD các công trình Nông nghiệp và PTNT, Đài phát thanh truyền hình, Trường Cao đẳng Thái Nguyên, Trường Cao đẳng Y tế, Trường Chính trị tỉnh, Báo Thái Nguyên, Quỹ Phát triển đất, Nhà khách VP UBND tỉnh, Công ty thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thái Nguyên, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Thái Nguyên.